

Đề bài

*Phân tích bài thơ*

**Thu điếu**

*(Câu cá mùa thu)*

*của*

*Nguyễn Khuyến.*

## Bài làm

Nguyễn Khuyến – Tam Nguyên Yên Đổ – là một nhà thơ Nôm nổi tiếng. Các nhà phê bình văn học đều cho rằng ông là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam, nhà thơ của mùa thu Việt Nam. Điều ấy không sai vì khi rũ áo từ quan. Tác giả sống ẩn dật ở quê nhà, thường miêu tả cảnh sắc của làng quê, cuộc sống nơi thôn dã. Ông có ba bài thơ về mùa thu thật hay, trong đó, *Thu điếu* là bài nổi bật nhất:

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo  
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo  
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí  
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo  
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt  
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo  
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được  
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

Chúng ta thấy được gì về nội dung và nghệ thuật của bài thơ ấy?

*Thu điếu* là một bài thơ Nôm đường luật, thất ngôn bát cú miêu tả cảnh sắc mùa thu ở thôn quê miền Bắc, cụ thể là vùng đồng chiêm trũng ở Sơn Nam Hạ, nơi tác giả vui sống cảnh điền viên. Qua bài thơ, tác giả gửi gắm tâm trạng của mình.

Ta theo chân Nguyễn Khuyến trở về *Vườn Bùi Chón Cũ* để chiêm ngưỡng cảnh thu. Đầu tiên là:

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo  
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.*

Tác giả giới thiệu cho ta một khung cảnh thời gian và không gian. Thời gian là mùa thu – mùa thu của đất Bắc – và không gian là cái ao, có thể ở ngay trong vườn nhà của tác giả. Không gian ở đây cho ta cảm nhận hình ảnh của trời mây sông nước. Tiếp theo, nhà thơ cho ta một cảm giác về thời tiết mà chính tác giả đã cảm nhận *lạnh lẽo*.

Từ láy *lạnh lẽo* lại còn gợi cho người đọc một cảm giác buồn. *Trong veo* là từ gợi tả. Nước mùa thu trong ao ở miền Bắc, bùn lắng xuống, ta có thể thấy tận đáy ao cho nên mới gọi là *trong veo*. Ta còn hình dung trong cái ao đó có một cụ già ngồi câu cá trên một cái thuyền nhỏ bé *tẻo teo*. Theo Xuân Diệu, làng quê có nhiều ao, ao nhỏ nên thuyền câu bé. Thật là hợp. Ngồi trong chiếc thuyền câu ấy, tác giả đưa mắt quan sát cảnh vật, màu sắc mùa thu:

*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí  
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo  
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt  
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo*

Cảnh được miêu tả từ thấp lên cao, từ gần đến xa theo đúng quy luật của văn miêu tả. Ở gần và thấp nhất có sóng biếc gợn lăn tăn *gợn tí* theo hơi gió nhẹ *làn hơi*. Cao hơn một chút là lá vàng khẽ khàng rơi theo chiều gió *khẽ đưa vèo*. Cao

hơn và xa hơn thì có *tầng mây lơ lửng*, có trời xanh ngắt. Xuống thấp và gần hơn ta thấy *ngõ trúc quanh co* rồi đi xa dần, xa dần, con đường vào làng vắng vẻ *khách vắng teo*. Cách sử dụng ngôn từ của tác giả thật tuyệt vời. Trước hết các từ gọi tả cái nhẹ nhàng, hiu hắt như *làn – hơi – gợn – tí, khẽ đưa*; các từ láy *lơ lửng, quanh co* hết sức gợi tình. Nổi bật hơn là từ gợi màu sắc: màu xanh. *Sóng biếc, trời xanh ngắt*, có thể nói cây cối ngõ trúc đều đượm một màu xanh. Trong ba bài thơ về thu, tác giả đều chú ý đến những gam màu xanh. Giữa màu xanh ấy nổi lên một màu vàng của lá. Nhà thơ chỉ chọn lọc vài ba chi tiết rất cụ thể trong khung cảnh cụ thể. Đây là một bức tranh thủy mặc, chỉ cần một vài nét chấm phá cũng khiến người đọc có thể dựa vào thơ mà tưởng tượng ra cảnh trí. Nhiều họa sĩ đã dựa vào bài thơ này mà vẽ những bức tranh tuyệt mỹ.

Tưởng cũng nên nói cũng có một số ít nhà thơ Việt Nam, trước đây khi miêu tả cảnh thu thường hay mô phỏng cảnh sắc Trung Hoa để tạo nên tác phẩm của mình.

Nói đến thu có cây ngô đồng, có giếng ngọc, có hình ảnh của thu trên sông Xích Bích, trên động Đình Hồ, Tam Nguyên Yên Đỗ thực tế hơn. Cảnh ở ngay trước mắt, nơi tác giả ẩn dật nên rất đậm đà hương vị màu sắc quê hương. Một nghệ thuật khác trong thơ là phép đối. Câu ba, bốn và năm sáu đối nhau khá hoàn chỉnh mà không quá dụng công đẽo gọt gò bó: *sóng biếc* đối với *lá vàng*, *hơi gợn tí* đối với *khẽ đưa vèo*; *tầng mây lơ lửng* đối với *ngõ trúc quanh co*.

Kết bài thơ:

*Tựa gối ôm cần lâu chẳng được  
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

Bài thơ được lặp lại bằng một hình ảnh của một cụ già ôm cần câu chờ đợi, nghe được âm thanh của con cá dưới chân bèo đang đớp mồi. Hai câu thơ thật giản dị so với các câu trên. Nhưng trong cái giản dị ẩn chứa tâm trạng của nhà thơ. Trước hết đó là một hồn thơ dân dã thô đậm bản sắc dân tộc. Phải có một tâm hồn nhạy bén hòa nhập, giao cảm với thiên nhiên trong tình yêu quê hương đất nước mới có được những cảm xúc sâu lắng vẽ nên bức tranh quê mộc mạc và gửi gắm tâm lòng mình trong đó. Sau cùng ta thấy ở ông một tâm sự buồn. Cảnh ở đây đẹp nhưng đượm buồn. Có nước nhưng nước không chảy, có mây nhưng mây lơ lửng, có gió nhưng chỉ *làn hơi*, có ngõ trúc nhưng lại *vắng teo*. Nước mất nhà tan, nhân dân sông trong nô lệ mà tác giả cảm thấy mình bất lực không làm gì được cho đất nước chỉ *treo án từ quan* nên tác giả buồn. Các phong trào yêu nước dần dần bị dập tắt – tác giả mong đợi *ôm cần lâu chẳng được* trông sao có một phong trào yêu nước khác dấy lên dù nhỏ bé như con cá *đớp động dưới chân bèo* cũng tỏ rằng người Việt Nam cũng chống quân xâm lược.

*Câu cá mùa thu* là một bài thơ rất hay, từ dùng rất đắt, có đẽo gọt, chọn lọc, cách gieo vần hiểm hóc *teo, vèo...* Nguyễn Khuyến là bậc thầy của thơ Nôm. Bài thơ tả cảnh nói lên tâm sự hoài vọng, yêu nước của nhà thơ khiến cho người đọc rung cảm.